

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường
Dự án Xây dựng trang trại chăn nuôi 5.000 heo nái tại khoảnh 6, tiểu khu 211,
Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh,
tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV My Anh làm chủ đầu tư

CHỦ TỊCH UBND TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ
Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ
môi trường;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Xây dựng
trang trại chăn nuôi 5.000 heo nái tại khoảnh 6, tiểu khu 211, Ban Quản lý Rừng
phòng hộ Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty
TNHH MTV My Anh làm chủ đầu tư đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Công
văn số 01/CVMT ngày 23/03/2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số
134/TTr-STNMT ngày 31/3/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự
án Xây dựng trang trại chăn nuôi 5.000 heo nái (sau đây gọi là Dự án) của Công ty
TNHH MTV My Anh (sau đây gọi là Chủ Dự án) thực hiện tại khoảnh 6, tiểu khu
211, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh
Bình Phước với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ Dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi
trường theo quy định pháp luật.

2. Thực hiện nghiêm túc nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

3. Chủ Dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Ủy nhiệm Sở Tài nguyên và Môi trường thực hiện việc kiểm tra các nội dung bảo vệ môi trường trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Quyết định này.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường, Chủ tịch UBND huyện Lộc Ninh, Chủ tịch UBND xã Lộc Thành, Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV My Anh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch;
- Như Điều 5;
- Lãnh đạo VP, Phòng Kinh tế;
- Lưu: VT_(BH-26-QĐPD-04/4) *đ c*

K. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Huỳnh Anh Minh

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
XÂY DỰNG TRANG TRẠI CHĂN NUÔI 5.000 HEO NÁI TẠI KHOẢNH 6,
TIỂU KHU 211, BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ TÀ THIẾT,
XÃ LỘC THÀNH, HUYỆN LỘC NINH, TỈNH BÌNH PHƯỚC
DO CÔNG TY TNHH MTV MY ANH LÀM CHỦ ĐẦU TƯ
(Kèm theo Quyết định số ...634.../QĐ-UBND ngày .05../...4../2022
của Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước)

1. Thông tin về Dự án:

1.1. Tên Dự án: Xây dựng trang trại chăn nuôi 5.000 heo nái tại khoảnh 6, tiểu khu 211, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước do Công ty TNHH MTV My Anh làm chủ đầu tư.

1.2. Chủ Dự án: Công ty TNHH MTV My Anh.

Công ty TNHH MTV My Anh được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên số 3800724159 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp lần đầu ngày 01/12/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 24/10/2012.

Trụ sở chính: Ấp Bàu Teng, xã Quang Minh, Huyện Chơn Thành, Tỉnh Bình Phước.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đoàn Thị Thanh Thủy, chức vụ: Giám đốc.

1.3. Địa điểm thực hiện Dự án: Khoảnh 6, tiểu khu 211, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

1.4. Phạm vi, quy mô:

Theo Quyết định chủ trương đầu tư số 344/QĐ-UBND ngày 08/02/2018, điều chỉnh lần thứ hai tại Quyết định số 2558/QĐ-UBND ngày 30/9/2021, Dự án thực hiện trên khu đất có diện tích 21,3 ha (theo Bản đồ đạc chỉnh lý thửa đất được Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Bình Phước ký duyệt ngày 20/9/2021, diện tích khu đất khoảng 213.594 m²) với quy mô 5.000 heo nái.

Khu đất thuộc đất Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tà Thiết giao khoán cho các hộ dân: Ông Trần Thanh Tốt theo Hợp đồng giao khoán số 10/06/HĐK ngày 27/5/2006; bà Huỳnh Kim Hạnh theo Hợp đồng giao khoán số 08/06/HĐK ngày 08/5/2006, bà Lưu Bích Thảo theo Hợp đồng giao khoán số 07/06/HĐK ngày 08/5/2006, bà Lưu Kim Phụng theo Hợp đồng giao khoán số 11/06/HĐK ngày 23/6/2006. Công ty TNHH MTV My Anh thỏa thuận bồi thường giá trị tài sản trên đất để thuê đất thực hiện Dự án.

Khu đất đã được HĐND tỉnh Bình Phước chấp thuận bổ sung trong Danh mục các Dự án được phê duyệt chủ trương chuyên mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác trên địa bàn tỉnh Bình Phước tại Nghị quyết số 05/2021/NQ-HĐND



ngày 02/7/2021.

1.5. Công nghệ của Dự án: Chăn nuôi heo tập trung bằng công nghệ trại lạnh khép kín.

1.6. Các hạng mục công trình chính của Dự án: Khu chăn nuôi, khu điều hành và khu vực xử lý chất thải.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của Dự án:

- *Tác động trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:* Gồm bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chặt cây, quá trình cưa xẻ cây; bụi từ quá trình san nền, đào móng; bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, thiết bị thi công trên công trình; bụi phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường; khí thải từ hoạt động hàn kim loại; nước thải sinh hoạt; nước thải xây dựng; chất thải rắn xây dựng; chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại.

- *Tác động trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:* Gồm bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển; bụi, khí thải máy phát điện dự phòng; bụi phát sinh từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn; khí thải từ hầm biogas; mùi từ hoạt động chăn nuôi, nhà để phân, hầm ủ xác và hệ thống xử lý nước thải; nước thải từ quá trình chăn nuôi; nước thải sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn không nguy hại (phân heo; tấm làm mát bị hư hỏng, thải bỏ; bao bì cám heo dự trữ; xác heo chết không do dịch bệnh; bùn thải...) và chất thải nguy hại.

2.2. Quy mô, tính chất của nước thải:

2.2.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Nước thải xây dựng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 01 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là đất, cát, chất rắn lơ lửng.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 04 m³/ngày; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD₅, SS, nitơ của các muối amoni, chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

2.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Nước thải chăn nuôi:* Lưu lượng phát sinh khoảng 392,135 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu là pH, SS, COD, BOD₅, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Nước thải từ quá trình sát trùng:* Lưu lượng phát sinh khoảng 2,7 m³/ngày; tính chất của nước thải này là độ pH tương đối thấp, tính oxy hóa mạnh.

- *Nước thải sinh hoạt:* Lưu lượng phát sinh khoảng 05 m³/ngày.đêm; thành phần ô nhiễm chủ yếu là BOD₅, SS, nitơ của các muối amoni, chất hoạt động bề mặt, phosphat, tổng coliform.

2.3. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

2.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chặt cây:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- *Bụi phát sinh do quá trình cưa xẻ cây:* Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình cưa xẻ cây khoảng 0,86 g/s.

- *Bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất san nền dao động trong khoảng: 0,001 mg/m³ - 0,024 mg/m³.

- *Khí thải từ hoạt động vận chuyển gỗ:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, CO, HC, NO_x.

- *Bụi, khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công xây dựng:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, CO_x, SO_x.

- *Bụi, khí thải từ các máy móc thi công:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Bụi, NO₂, CO.

- *Bụi, khí thải từ các hoạt động cơ khí:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: Khói hàn, CO, NO_x.

- *Bụi và khí thải phát sinh từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như: VOC_s, toluene, benzene.

2.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Bụi, khí thải phát ra từ các phương tiện vận tải ra vào trang trại:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, NO_x, CO, HC.

- *Bụi, khí thải máy phát điện dự phòng:* Thường chứa các thành phần ô nhiễm như bụi, SO₂, NO_x, CO, VOC.

- *Khí thải từ hầm biogas:* Lượng khí CH₄ sinh ra từ hầm biogas khoảng 222,08 m³/ngày. Thành phần chính của khí biogas là CH₄ (58% đến 60%) và CO₂ (>30%) còn lại là các chất khác như hơi nước, O₂, H₂S, CO.

- *Mùi từ hệ thống xử lý nước thải, nhà chứa phân, hầm ủ xác và khu chăn nuôi:* Thường chứa các thành phần như NH₃, H₂S, các amin hữu cơ, andehyde hữu cơ, axit béo dễ bay hơi...

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường:

2.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Khối lượng phát sinh khoảng 254,07 tấn trong suốt quá trình xây dựng, chủ yếu là các loại nguyên vật liệu xây dựng thải, rơi vãi như xi măng, gạch vỡ, sắt thép vụn, bao bì đựng vật liệu.

- *Chất thải rắn sinh hoạt:* Khối lượng phát sinh khoảng 32 kg/ngày, thành



phần chủ yếu là các chất hữu cơ.

2.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Phân heo*: Tổng lượng phân heo phát sinh khoảng 14.025 kg/ngày (sau khi qua máy ép phân còn khoảng 7.854 kg/ngày); thành phần phân heo chủ yếu gồm nước (56% - 83%) và các chất hữu cơ, ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng như N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Xác heo chết không do dịch bệnh (ngộp, còi cọc, phổi, mang thai) và nhau thai*: Xác heo chết không do dịch bệnh phát sinh khoảng 53,08 kg/ngày, nhau thai heo khoảng 81 kg/ngày. Thành phần chủ yếu gồm các chất hữu cơ, các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ và vô cơ.

- *Bùn thải*: Khối lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải khoảng 221,3 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là nước và các chất hữu cơ ngoài ra còn có các chất dinh dưỡng N, P, K dưới dạng các hợp chất hữu cơ.

- *Tắm làm mát thải bỏ*: Khối lượng tắm làm mát thải bỏ khoảng 160 kg/năm.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Khối lượng phát sinh khoảng 40 kg/ngày. Thành phần bao gồm rác thực phẩm, giấy, xương, ni lông, vỏ đồ hộp... Chất thải sinh hoạt có chứa 60% - 70% chất hữu cơ và 30% - 40% các chất khác.

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

2.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 2,5 kg/tháng bao gồm dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải; chất hấp thụ, giẻ lau dính dầu nhớt thải, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại; bóng đèn huỳnh quang thải; cặn sơn thải.

2.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động: Lượng chất thải nguy hại phát sinh khoảng 55,5 kg/tháng bao gồm: giẻ lau, bao tay dính hóa chất/dầu mỡ; thùng, bao bì cứng thải bằng nhựa; bao bì mềm thải (bao gồm bao bì thuốc thú y); vacxin, chế phẩm hết hạn sử dụng; bóng đèn huỳnh quang thải; dầu nhớt thải, chất thải lây nhiễm (bao gồm cả chất thải sắc nhọn); chất thải có các thành phần nguy hại từ quá trình vệ sinh chuồng trại (bao bì mềm thải chứa thành phần nguy hại từ quá trình sát trùng xe, chuồng trại); pin thải; hộp mực in thải.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

3.1.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải từ quá trình thi công xây dựng*: Nước thải từ quá trình thi công xây dựng được thu gom vào hố lắng tạm, lót bạt HDPE, có dung tích 03 m³, kích thước: D x R x C = 02 m x 01 m x 1,5 m. để lắng các chất rắn lơ lửng. Nước thải sau khi lắng cặn được tái sử dụng cho quá trình trộn bê tông, tưới đường để giảm bụi.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt*: Xây dựng trước 07

bể tự hoại 03 ngăn để sử dụng chung cho cả giai đoạn xây dựng và giai đoạn Dự án đi vào vận hành với thể tích 02 m³/bể. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

- *Yêu cầu bảo vệ môi trường:* Nước thải xây dựng được thu gom, lắng cặn trước khi tái sử dụng cho việc trộn bê tông, tưới đường. Nước thải sinh hoạt sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đầu nối về hệ thống xử lý nước thải tập trung của Dự án để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định trước khi thải ra môi trường.

3.1.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải sinh hoạt:* Nước thải sinh hoạt của công nhân sau khi qua bể tự hoại 03 ngăn được đưa về hệ thống thu gom của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng 07 bể tự hoại 03 ngăn với thể tích mỗi bể là 02 m³ được bố trí tại nhà bảo vệ (01 bể), khu nhà cách ly (01 bể), nhà ở công nhân (02 bể), nhà quản lý (01 bể), nhà điều hành (01 bể), nhà vệ sinh trong khu vực chăn nuôi (01 bể). Nước thải từ quá trình tắm, giặt và sát trùng được dẫn về hồ lắng 1,2 của hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải chăn nuôi:* Nước thải chăn nuôi phát sinh từ Dự án được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung để xử lý. Chủ Dự án xây dựng hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 480 m³/ngày.đêm (đã bao gồm hệ số k = 1,2) có quy trình công nghệ như sau:

Nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống thu gom → Hồ CT; Nước sát trùng xe và công nhân, nước tắm, giặt → Hồ lắng 1,2; Nước thải chăn nuôi → Hệ thống thu gom → Hồ CT → Hầm biogas 1,2 → Hồ lắng 1,2 → Bể trộn → Bể kiểm soát pH → Bể thiếu khí 1, 2, 3, 4 (anoxic) → Bể hiếu khí 1, 2, 3, 4 (aerotank) → Bể lắng sinh học → Bể phản ứng (keo tụ) → Bể tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể khử trùng → Bể trung gian → Hồ chứa nước sau xử lý. Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 62-MT:2016/BTNMT, cột B và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT được tái sử dụng để làm mát, vệ sinh chuồng trại và tưới cây trong khu vực trang trại.

Kích thước các hạng mục công trình xử lý nước thải của Dự án:

TT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước(m)			Thông số kỹ thuật
			Dài	Rộng	Sâu	
1	Hầm biogas	02	80	40	05	Đào hồ đất, lót và phủ bạt HDPE
2	Hồ lắng 1	01	35	35	05	
3	Hồ lắng 2	01	35	35	05	
4	Bể trộn	01	03	03	05	Bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm
5	Hồ CT	01	06	12	03	
6	Bể kiểm soát pH	01	03	03	05	
7	Bể thiếu khí 1	01	10	08	05	
8	Bể thiếu khí 2	01	10	08	05	
9	Bể thiếu khí 3	01	10	08	05	
10	Bể thiếu khí 4	01	10	08	05	

TT	Hạng mục	Số lượng	Kích thước(m)			Thông số kỹ thuật
			Dài	Rộng	Sâu	
11	Bể hiếu khí 1	01	08	08	05	Bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm
12	Bể hiếu khí 2	01	10	08	05	
13	Bể hiếu khí 3	01	10	08	05	
14	Bể hiếu khí 4	01	08	08	05	
15	Bể lắng sinh học	01	08	08	05	
16	Bể phản ứng (keo tụ)	01	02	02	05	
17	Bể tạo bông	01	02	02	05	
18	Bể lắng hóa lý	01	06	06	05	
19	Bể chứa bùn hóa lý	01	08	03	05	
20	Bể chứa bùn sinh học	01	08	03	05	
21	Bể khử trùng	01	08	02	05	
22	Bể trung gian	01	02	02	05	
23	Sân phơi bùn	01	06	05	01	
24	Hồ chứa nước sau xử lý	01	50	50	05	Đào hồ đất, lót bạt taluy, thông thấm
25	Hồ chứa nước sau xử lý 1	01	62	40	05	
26	Hồ chứa nước sau xử lý 2	01	15	40	05	
27	Hồ dự phòng	01	40	40	05	

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Nước thải phát sinh từ Dự án phải đảm bảo xử lý đạt cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học trước khi tái sử dụng cho hoạt động chăn nuôi và tưới cây.

3.2. Về xử lý bụi, khí thải:

3.2.1. Trong giai đoạn chuẩn bị và triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình cưa xẻ, thu gom thực bì, cành và rễ:* Lượng sinh khối phát sinh được vận chuyển đến nơi thu mua; bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển, phân luồng và tưới nước giao thông nội bộ trong khu vực Dự án; thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá, vận hành với tối ưu hoá các quá trình thi công; các phương tiện giao thông không được chở quá tải trọng quy định...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ vận chuyển gỗ:* Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các phương tiện vận chuyển, đảm bảo tình trạng kỹ thuật tốt; các phương tiện đảm bảo đủ các điều kiện lưu hành, đảm bảo thời hạn cho phép lưu thông theo đúng quy định của pháp luật; lập lịch trình hoạt động hợp lý cho các loại xe tải để tránh gia tăng mật độ xe vào các thời gian cao điểm và giờ nghỉ của người dân...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình san nền, đào móng:* Tưới nước trong các ngày nắng ở các khu vực có khả năng phát sinh bụi với tần suất 02 lần/ngày (sáng, chiều); trang bị các phương tiện bảo hộ lao động cho công nhân; áp dụng các biện pháp thi công hiện đại, cơ giới hoá, vận hành với tối ưu hoá các quá

trình thi công; kiểm tra các phương tiện thi công nhằm đảm bảo thiết bị, máy móc luôn ở trong điều kiện tốt nhất về mặt kỹ thuật...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu thi công và từ các máy móc thi công:* Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng động cơ của các phương tiện vận chuyển, sử dụng nhiên liệu xăng dầu có hàm lượng lưu huỳnh thấp để giảm thiểu ô nhiễm; lập lịch trình hoạt động hợp lý cho các loại xe tải để tránh gia tăng mật độ xe vào các thời gian cao điểm và giờ nghỉ của người dân; lên kế hoạch thi công cụ thể và bố trí nhân lực hợp lý, tuần tự, tránh chông chéo giữa các công đoạn trong quá trình triển khai thi công...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn, cắt, sơn kim loại:* Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ an toàn lao động cho công nhân; bố trí thời gian làm việc hợp lý cho công nhân thi công; tập huấn về kỹ thuật và an toàn khi thi công cơ khí...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ quá trình chà nhám, sơn tường:* Hạn chế công nhân làm công việc sử dụng xăng, sơn trong không gian khép kín; khi buộc phải tiếp xúc thường xuyên với các chất hơi dung môi phải sử dụng khẩu trang y tế đúng cách...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực thi công xây dựng đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành.

3.2.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải từ các phương tiện vận tải:* Xây dựng đường giao thông nội bộ dành riêng cho các phương tiện vận tải ra vào khu vực trang trại; không nô máy trong lúc bốc dỡ nguyên liệu, không chở quá tải; điều phối xe hợp lý tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động cùng thời điểm...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi và khí thải từ máy phát điện dự phòng:* Bảo dưỡng máy phát điện định kỳ; sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp; máy phát điện được bố trí nhà đặt máy phát điện giảm ảnh hưởng tiếng ồn tới công nhân làm việc; ống khói được làm bằng thép không gỉ, chịu nhiệt cao, ống khói cao hơn mái trại khoảng 02 m, đường kính 150 mm...

- *Biện pháp xử lý khí gas thoát ra từ hầm biogas:* Lượng khí gas phát sinh từ hầm biogas được tận dụng để làm nhiên liệu đốt cho quá trình nấu ăn cho trang trại; trường hợp còn dư thừa, Chủ Dự án đốt bỏ có kiểm soát theo đúng quy định. Việc đốt bỏ được thực hiện bằng thiết bị đốt khí dư kín chuyên dụng, thiết bị có trang bị đồng hồ áp tự động, có hệ thống chống cháy ngược và hệ thống van an toàn.



- *Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi từ quá trình nhập nguyên liệu thức ăn:* Trang bị khẩu trang y tế, các phương tiện bảo hộ cho công nhân trực tiếp nhập cám và cho heo ăn để hạn chế bụi phát sinh; thường xuyên kiểm tra máng ăn, thiết bị cho ăn đồng thời điều chỉnh lượng thức ăn trong thiết bị cho ăn...

- *Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ quá trình xử lý nước thải, khu vực nhà đẻ phân, khu vực hầm hủy xác và khu chăn nuôi:*

Khu vực chuồng nuôi: Xây dựng chuồng trại cao ráo, thông thoáng; bố trí quạt hút hoạt động liên tục; trồng cây xanh cách ly xung quanh; luôn vệ sinh chuồng trại sạch sẽ; định kỳ phun thuốc sát trùng xung quanh khu chăn nuôi, các chuồng nuôi ít nhất 01 lần/tuần; phun thuốc sát trùng lối đi trong khu chăn nuôi và các dãy nuôi ít nhất 01 lần/tuần khi không có dịch bệnh và ít nhất 01 lần/ngày khi có dịch bệnh; phun chế phẩm EM khu vực chuồng chăn nuôi định kỳ 02 lần/ngày; lắp đặt các tấm màn che chắn phía sau hệ thống quạt hút thông gió của chuồng nuôi để hạn chế và giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh...

Khu vực xử lý nước thải: Hệ thống mương thu gom nước thải là hệ thống kín, thường xuyên khơi thông dòng chảy để tránh ứ đọng; trồng cây xanh, thảm cỏ bao quanh khuôn viên trang trại, sử dụng chế phẩm sinh học EM phun vào những vị trí phát sinh mùi hôi nhiều với tần suất 01 lần/ngày...

Khu vực nhà chứa phân: Dùng chế phẩm sinh học EM phun lên bề mặt phân heo với tần suất 01 lần/ngày; rắc vôi bột nhằm xử lý các vi khuẩn có hại tồn tại trong phân heo với tần suất 01 lần/ngày.

Khu vực hầm hủy xác: Bố trí xây dựng hầm hủy xác nằm trong khu vực biệt lập; trồng cây xanh xung quanh hầm hủy xác để hạn chế sự phát tán mùi trong không khí; rải vôi bên trong và trên bề mặt hầm hủy xác với khối lượng $0,8 \text{ kg/m}^2$, bố trí màn trùm cửa hầm hủy xác để hạn chế ruồi nhặng và mùi trong hầm hủy phát tán ra môi trường...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường:* Môi trường không khí khu vực Dự án đạt các quy định tại Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động; QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc và các quy định của pháp luật hiện hành. Khí thải phải đạt cột B, QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trước khi xả ra môi trường.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt:

3.3.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Chất thải rắn xây dựng:* Thu gom toàn bộ lượng chất thải rắn xây dựng phát sinh, tận dụng san nền tại chỗ đối với đất, đá, gạch... Đối với lượng chất thải rắn

không thể tận dụng, Chủ Dự án thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom, lưu chứa vào các thùng chứa bằng nhựa có dung tích 60 lít, có nắp đậy kín và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.3.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Phân heo*: Toàn bộ phân heo và nước thải theo hệ thống thu gom, sau đó được bơm về máy ép phân để ép đến độ ẩm nhất định. Chủ Dự án đầu tư 01 máy ép phân, công suất 08 - 25 m³/giờ. Nước thải từ máy ép phân được dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, phân sau ép được đóng bao kín, khử trùng bằng vôi bột và được đưa vào nhà kho chứa phân sau khi ép (diện tích 160 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây kín tô 02 mặt quét sơn nước, mái lợp tôn), hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do xác heo chết không do dịch bệnh và nhau thai*:

Phương án chính: Xác heo chết không do dịch bệnh (heo chết do bệnh thông thường, do quá trình phối thai, mang thai, heo con chết do ngạt hay còi cọc và nhau thai) được cho vào hầm hủy xác để xử lý. Hầm hủy xác (03 ngăn), kết cấu: bê tông chống thấm cửa đóng kín với kích thước mỗi ngăn là 06 m x 06 m x 03 m. Khu vực hủy xác có diện tích 18 m x 06 m. Bề mặt hầm hủy xác bố trí cửa kín có rắc vôi bột và có bố trí màn trùm cửa hầm hủy để hạn chế ruồi nhặng và mùi trong hầm hủy phát tán ra môi trường đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường.

Ngoài ra xác heo chết không do dịch bệnh (heo chết do bệnh thông thường, do quá trình phối thai, mang thai, heo con chết do ngạt hay còi cọc và nhau thai) được nấu chín, sau đó cắt nhỏ làm thức ăn cho cá; thiết bị nấu xác heo chết không do dịch bệnh được lưu chứa tại nhà chứa xác heo có diện tích 120 m². Nhà chứa được dọn vệ sinh thường xuyên và phun chế phẩm tiêu độc khử trùng 02 lần/ngày, kết cấu: nhà 01 tầng, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn. Cá được nuôi tại hồ nuôi cá có diện tích 1.600 m², kết cấu: hồ đất, lót bạt HDPE chống thấm.

- *Xác heo chết do dịch bệnh*: Khi Chủ Dự án nghi ngờ heo chết không rõ nguyên nhân, heo chết do dịch bệnh phải báo ngay cho chính quyền địa phương và cơ quan quản lý chuyên môn gần nhất để được hướng dẫn theo quy định. Chủ Dự án bố trí khu đất dự phòng để xử lý heo chết khi có dịch bệnh, diện tích 30 m².

- *Bùn từ hệ thống xử lý nước thải*: Lượng bùn phát sinh từ hệ thống xử lý nước thải được thu gom về 02 bể chứa bùn kích thước mỗi bể: Dài x Rộng x Sâu = 08 m x 03 m x 05 m, kết cấu: bê tông cốt thép, có quét vật liệu chống thấm, sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định. Chủ

Dự án phải lấy mẫu bùn thải để phân tích, trường hợp mẫu bùn có chỉ tiêu vượt ngưỡng chất thải nguy hại theo quy định của QCVN 50:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng nguy hại đối với bùn thải từ quá trình xử lý nước, Chủ Dự án phải quản lý lượng bùn thải phát sinh từ Dự án theo đúng quy định về chất thải nguy hại; trường hợp không vượt Quy chuẩn, Chủ Dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom định kỳ theo chất thải thông thường.

- *Chất thải rắn sinh hoạt*: Thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào các thùng chứa có dung tích 60 lít đặt tại nhà công nhân, nhà bảo vệ và nhà cán bộ sau đó được lưu chứa tại khu gom rác thải sinh hoạt có diện tích 5,76 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, mái lợp tôn. Sau đó hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ thu gom và xử lý theo quy định.

- *Chất thải rắn thông thường*: Được thu gom và lưu chứa tại các thùng chứa, dung tích 120 lít, đặt trong nhà chứa chất thải rắn thông thường, diện tích 12 m², kết cấu: nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây gạch, mái lợp tôn; cửa ra vào khung sắt, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom và xử lý theo quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Phân heo phải được xử lý theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước trước khi chuyển giao cho các đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải được quản lý theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

3.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu trữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

3.4.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có thể tích 60 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 12 m², kết cấu bê tông cốt thép, tường xây tô 02 mặt, mái lợp tôn, có gờ chắn và hố thu gom phòng ngừa tràn đổ chất thải nguy hại... theo đúng quy định về quản lý chất thải nguy hại (nhà chứa chất thải nguy hại này sử dụng cho cả giai đoạn xây dựng và hoạt động). Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo đúng quy định hiện hành.

3.4.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- Chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các thùng chứa có thể tích 60 lít bằng nhựa HDPE có nắp đậy kín, dán nhãn đặt trong nhà chứa chất thải nguy hại, diện tích 12 m² có mái che, nền bê tông, cột bê tông cốt thép, tường xây tô 2 mặt sơn nước, mái lợp tôn, có dán biển cảnh báo, có gờ chắn, hố thu gom phòng ngừa tràn đổ chất thải nguy hại... theo đúng quy định về quản lý chất thải

nguy hại. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Quản lý chất thải nguy hại phát sinh đảm bảo theo quy định hiện hành.

3.5. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

3.5.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn*: Bố trí các thiết bị, máy móc làm việc ở khoảng cách hợp lý; lập kế hoạch thi công hợp lý; bố trí các máy móc thiết bị làm việc ở những khoảng cách hợp lý, tránh tập trung tiếng ồn trong khu vực; hạn chế các nguồn gây tiếng ồn vào ban đêm, đặc biệt là kê từ 18 giờ hôm nay cho tới 06 giờ sáng hôm sau...

- *Biện pháp giảm thiểu tác động của Dự án tới kinh tế xã hội*: Ưu tiên sử dụng lực lượng lao động tại địa phương; thường xuyên giám sát quá trình xây dựng của công nhân để có hướng giải quyết thích hợp khi xảy ra mâu thuẫn...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy chuẩn hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng của Dự án.

3.5.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động:

- *Biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn*: Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các máy móc, thiết bị; các phương tiện vận chuyển hạn chế nổ máy trong thời gian chờ bốc dỡ; trồng cây xanh xung quanh khu vực Dự án;...

- *Yêu cầu về bảo vệ môi trường*: Tuân thủ các quy chuẩn, tiêu chuẩn môi trường và các quy chuẩn hiện hành có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.6. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường:

3.6.1. Trong giai đoạn triển khai xây dựng Dự án: Thực hiện các biện pháp để phòng ngừa, ứng phó tai nạn lao động, tai nạn giao thông, các sự cố về cháy nổ... và tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

3.6.2. Trong giai đoạn Dự án đi vào vận hành:

- *Biện pháp khắc phục đối với hệ thống xử lý nước thải*: Thường xuyên kiểm tra hệ thống; có nhân viên vận hành đúng chuyên môn; các máy móc, thiết bị phục vụ cho việc xử lý nước thải đều có thiết bị dự phòng; định kỳ lấy mẫu giám sát chất lượng nước thải sau xử lý để đánh giá hiệu quả của hệ thống xử lý...

- *Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với hố hủy xác*: Hướng dẫn công nhân thực hiện hủy xác theo đúng quy trình, rắc vôi bột thường xuyên để hạn chế mùi hôi phát sinh; khi xảy ra sự cố cần bố trí kỹ thuật khắc phục kịp thời...

- *Biện pháp giảm thiểu sự cố hóa chất*: Việc lưu trữ và sử dụng hóa chất phải

thực hiện tuân thủ theo TCVN 5507:2002 – Tiêu chuẩn Việt Nam về hóa chất nguy hiểm, quy phạm an toàn trong sản xuất, kinh doanh, sử dụng, bảo quản và vận chuyển.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của Dự án: Các công trình bảo vệ môi trường chính được kiểm tra trước khi cho phép vận hành thử nghiệm và xác nhận hoàn thành để đi vào vận hành theo quy định:

- Công trình thu gom, thoát nước mưa; công trình thu gom và xử lý nước thải.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải rắn thông thường.
- Công trình lưu giữ, quản lý chất thải nguy hại.
- Công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.
- Công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ Dự án:

5.1. Chương trình giám sát giai đoạn xây dựng:

5.1.1. Giám sát môi trường không khí:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực thi công.
- *Thông số giám sát:* Vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.1.2. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

5.2. Chương trình giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

5.3. Chương trình giám sát giai đoạn hoạt động:

5.3.1. Giám sát môi trường không khí khu vực Dự án:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại dãy chuồng trại, 01 điểm tại khu vực hệ thống xử lý nước thải và 01 điểm tại khu vực hầm ủ xác.

- *Thông số giám sát:* Tiếng ồn, vi khí hậu, bụi, SO₂, NO₂, NH₃, H₂S.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh/Quy định áp dụng:* QCVN 24:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc; QCVN 02:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi – Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; Quyết định số 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành 21 tiêu chuẩn vệ sinh lao động, 05 nguyên tắc và 07 thông số vệ sinh lao động.

5.3.2. Giám sát môi trường nước thải:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí đầu vào tại hố CT của hệ thống xử lý nước thải và 01 vị trí tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- *Thông số giám sát:* Lưu lượng, pH, TSS, BOD₅, COD, tổng nitơ, tổng coliform, coli phân, salmonella.

- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* Cột B, QCVN 62-MT:2016/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải chăn nuôi và QCVN 01-14:2010/BNNPTNT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

5.3.3. Giám sát môi trường nước dưới đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 vị trí tại bể chứa nước ngầm.

- *Thông số giám sát:* pH, độ cứng, (CaCO₃), TDS, COD, NH₄⁺, Cl⁻, NO₂⁻, SO₄²⁻, Fe, ecoli, coliform.

- *Tần suất giám sát:* 06 tháng/lần.

- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 09-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

5.3.4. Giám sát môi trường đất:

- *Vị trí giám sát:* 01 điểm tại khu vực tiếp nhận nước thải sau xử lý để tưới cây trong Dự án và 01 điểm tại khu vực ủ xác heo.

- *Thông số giám sát:* As, Pb, Cu, Zn, Cd, Cr.
- *Tần suất giám sát:* 03 tháng/lần.
- *Quy chuẩn so sánh:* QCVN 03-MT:2015/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giới hạn cho phép một số kim loại nặng trong đất.

5.3.5. Giám sát chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại:

- *Vị trí giám sát:* Khu vực lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại.
- *Thông số giám sát:* Khối lượng, thành phần, chứng từ giao nhận.
- *Tần suất giám sát:* Thường xuyên, liên tục; định kỳ báo cáo cơ quan chức năng theo quy định.
- *Quy định áp dụng:* Theo quy định hiện hành.

6. Các điều kiện kèm theo:

6.1. Chủ Dự án phải thực hiện thiết kế công phụ và mở lối đi riêng vào khu vực hệ thống xử lý nước thải; bố trí hệ thống khử trùng tại lối đi riêng này để đảm bảo thuận lợi cho cơ quan có thẩm quyền khi đến kiểm tra; phải lắp đặt camera giám sát để ghi, lưu trữ hình ảnh tại khu vực hệ thống xử lý nước thải (trường hợp có khiếu kiện, khiếu nại để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra); có trách nhiệm phối hợp với cơ quan có thẩm quyền và chính quyền địa phương trong việc kiểm tra, giám sát hệ thống xử lý chất thải theo đúng quy định.

6.2. Chủ Dự án phải bố trí trồng cây xanh và lắp đặt các tấm màn che chắn phía sau hệ thống quạt hút thông gió của chuồng nuôi để hạn chế và giảm thiểu mùi hôi phát tán ra môi trường xung quanh; đối với khu vực hầm hủy xác phải bố trí màn trùm cửa hầm hủy để hạn chế ruồi nhặng và mùi trong hầm hủy phát tán ra môi trường, đồng thời phải có biện pháp phòng ngừa sự cố và có biện pháp xử lý khi hầm hủy đầy.

6.3. Trong quá trình đi vào hoạt động, yêu cầu Chủ Dự án phải đảm bảo các biện pháp kiểm soát nước thải, mùi hôi và các tác động khác phát sinh từ Dự án đảm bảo không gây ảnh hưởng đến môi trường và khu vực xung quanh.

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

7. Các điều kiện có liên quan đến môi trường khác:

Các yêu cầu đối với Chủ Dự án:

7.1. Thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung bảo vệ môi trường nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt.

7.2. Chủ Dự án phải đảm bảo điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học theo đúng quy định tại QCVN 01-14:2010/BNNPTNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia điều kiện trại chăn nuôi lợn an toàn sinh học.

7.3. Trong quá trình xây dựng và hoạt động, Chủ Dự án phải thực hiện theo đúng các yêu cầu quy định tại Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quyết định số 25/2018/QĐ-UBND ngày 27/4/2018 của UBND tỉnh ban hành Quy định về quản lý nhà nước đối với hoạt động chăn nuôi gia súc, gia cầm trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

7.4. Dự án chỉ được đi vào hoạt động (chăn nuôi heo) sau khi xây dựng hoàn thiện hệ thống xử lý nước thải tập trung và các công trình bảo vệ môi trường như đã trình bày trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt và được cơ quan có thẩm quyền cấp phép theo quy định.

7.5. Trồng cây xanh trong khu vực Dự án đảm bảo đạt tỷ lệ 20% tổng diện tích Dự án, bố trí dãy cây xanh cách ly khu vực chăn nuôi, khu xử lý chất thải với khu vực xung quanh.

7.6. Trong quá trình hoạt động, Chủ Dự án phải nghiêm chỉnh vận hành các hệ thống xử lý chất thải như trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã nêu. Thực hiện các quy định về phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo đúng quy định.

7.7. Thực hiện các yêu cầu của địa phương tại Công văn số 74/CV-UBND ngày 22/11/2021 của UBND xã Lộc Thành về việc trả lời Công văn xin ý kiến tham vấn cộng đồng về nội dung Báo cáo ĐTM của Dự án “Xây dựng trang trại chăn nuôi 5.000 heo nái” tại khoảnh 6, tiểu khu 211, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tà Thiết, xã Lộc Thành và Biên bản họp tham vấn cộng đồng dân cư chịu tác động trực tiếp bởi Dự án ngày 22/11/2021 tại khoảnh 6, tiểu khu 211, Ban Quản lý Rừng phòng hộ Tà Thiết, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện Dự án để đảm bảo an ninh trật tự và ưu tiên tuyển dụng lao động tại địa phương.

7.8. Trong quá trình thực hiện nếu Dự án có những thay đổi so với Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt, Chủ Dự án phải có văn bản báo cáo với cơ quan có thẩm quyền để được hướng dẫn thực hiện theo quy định.

7.9. Sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt, Chủ Dự án phải có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường của Dự án gửi cơ quan có thẩm quyền để được xem xét, cấp phép trước khi đưa Dự án vào vận hành chính thức theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

7.10. Thực hiện các nội dung khác theo đúng quy định của pháp luật hiện hành./.